

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ  
VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1278** / MICCO – KTNBTT  
V/v công khai thông tin của Tổng Công ty

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ:

- Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước;

- Quyết định số 897/QĐ-TKV ngày 29/4/2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Quyết định số 934/QĐ-TKV ngày 6/5/2016 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân công trách nhiệm công bố thông tin hoạt động của TKV;

- Quyết định số 3614/QĐ – HĐTV ngày 30/ 12/ 2016 của Hội đồng thành viên về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin;

- Quyết định 3630/QĐ-MICCO ngày 30/12/2016 của Tổng giám đốc về việc phân công trách nhiệm công bố thông tin hoạt động tại Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin.

Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN về việc công khai thông tin - Phụ lục IV – Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kết quả SXKD hàng năm và 03 năm gần nhất.

Tổng công ty trân trọng báo cáo./. *lv*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như kính gửi;
- HĐTV (e-copy);
- TGD (e-copy; đề B/c)
- P.CĐVT (e-copy, để công bố trên website);
- Lưu: KTNB-TT, KHĐH, VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*[Signature]*  
TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
VINACOMIN  
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI  
Trịnh Hải Cường

**PHỤ LỤC IV**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD**  
**HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

Đơn vị: TCTY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
**VINACOMIN**  
MST: 0100101072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020*

**NĂM BÁO CÁO 2020**

**1. Tình hình SXKD và đầu tư phát triển 03 năm trước.**

**a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước.**

*(Số liệu trong Biểu số 1 kèm theo)*

**b) Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp 03 năm trước.**

**\* Năm 2017:**

- Các dự án chuyển tiếp:

+ Dự án cơ sở nghiên cứu thực nghiệm VLNCN (tổng mức đầu tư 29.998 tr đồng).  
Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 1977/QĐ-HĐTV ngày 17/7/2017.

+ Dự án kho VLNCN Gia Lai (tổng mức đầu tư 8.180 tr đồng), đã phê duyệt QT.

+ Phương án lắp đặt hệ thống kiểm soát cho đường sang chiết HNO<sub>3</sub> tại nhà máy Amon Nitrat Thái Bình (tổng mức đầu tư 2.105 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 2496/QĐ-MICCO ngày 12/9/2017.

+ Dự án hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục nhà máy sản xuất Amon Nitrat Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình – MICCO (tổng mức đầu tư 4.524 tr đồng). Đã phê duyệt QT.

+ Dự án đầu tư xe sản xuất VLNCN (tổng mức đầu tư 11.500 tr đồng). Đã phê duyệt QT.

+ Dự án đầu tư phát triển khu nhà ở cán bộ công nhân viên nhà máy sản xuất Amon Nitrat – MICCO (tổng mức đầu tư 13.243 tr đồng).

+ Dự án Nhà ĐHSX Công ty CN HCM Nam Trung Bộ (tổng mức đầu tư 14.900 tr đồng). Đã phê duyệt QT.

**\* Năm 2018:**

- Các dự án đã phê duyệt quyết toán trong năm:



+ Dự án kho VLNCN Gia Lai (tổng mức đầu tư 8.180 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 1013/QĐ-MICCO ngày 10/5/2018.

+ Dự án hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục nhà máy sản xuất Amon Nitrat Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình – MICCO (tổng mức đầu tư 4.524 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 07/QĐ-MICCO ngày 02/1/2018.

- Các dự án chuyên tiếp:

+ Dự án đầu tư xe sản xuất VLNCN (tổng mức đầu tư 11.500 tr đồng). Đã phê duyệt QT.

+ Dự án Nhà ĐHSX Công ty CN HCM Nam Trung Bộ (tổng mức đầu tư 14.900 tr đồng). Đã phê duyệt QT.

+ Dự án phần mềm quản lý kế toán – Phần mềm hóa đơn điện tử. (tổng mức đầu tư 500 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 3181/QĐ-MICCO ngày 28/12/2018.

+ Dự án nâng cấp, phát triển phần mềm quản lý doanh nghiệp (tổng mức đầu tư 1.439 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 656/QĐ-MICCO ngày 25/3/2019.

+ Dự án đầu tư nồi hơi đốt dầu 2.500 kg/h (tổng mức đầu tư 1.500 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 1526/QĐ-VBMICCO ngày 25/9/2018.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Nhà ĐHSX – Công ty CN HCM Nam Bộ - MICCO (tổng mức đầu tư 650 tr đồng). Đã phê duyệt QT dự án hoàn thành tại quyết định số 3107/QĐ-NBMICCO ngày 30/12/2018.

+ Dự án đầu tư phát triển khu nhà ở cán bộ công nhân viên nhà máy sản xuất Amon Nitrat – MICCO (tổng mức đầu tư 13.243 tr đồng).

**\* Năm 2019:**

- Các dự án đã phê duyệt quyết toán trong năm:

+ Dự án: Nâng cấp, phát triển Trung tâm tích hợp và quản lý dữ liệu Tổng công ty. Tổng mức đầu tư: 2.346 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án: Máy đo chấn động nhằm giám sát ảnh hưởng nổ mìn. Tổng mức đầu tư: 517 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án: Mua máy bơm cứu hỏa (phục vụ công tác PCCC). Tổng mức đầu tư: 385 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án: Mua máy bơm cứu hỏa (Công ty CN Hóa chất mỏ Nam Trung Bộ). Tổng mức đầu tư: 250 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án: Giếng khoan công nghiệp cụm kho Hòa Khương. Tổng mức đầu tư: 150 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án: Nâng công suất trạm biến áp và đường dây từ 30kVA lên 65 kVA tại Chi nhánh HCM Quảng Ngãi. Tổng mức đầu tư: 300 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

+ Dự án: Mua máy cân tâm trục bằng laser. Tổng mức đầu tư: 358 tr đồng. Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Các dự án chuyển tiếp:

+ Dự án đầu tư phát triển khu nhà ở cán bộ công nhân viên nhà máy sản xuất Amon Nitrat – MICCO (tổng mức đầu tư 13.243 tr đồng).

### c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm.

Chiến lược Tổng công ty: Trở thành doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và cung cấp dịch vụ nổ mìn hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực. Mở rộng kinh doanh hóa chất, vật tư thiết bị,... trên cơ sở lợi thế về sản phẩm phụ của nhà máy Amôn Nitrat là Axit nitric ( $\text{HNO}_3$ ), mối quan hệ sâu rộng được xây dựng trong nhiều năm (trong ngành than, các nhà máy Quốc phòng, các nhà cung cấp hóa chất lớn, các đối tác nước ngoài,...), đội ngũ CBCNV được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, v.v.

Đặc biệt, dịch vụ khai thác mỏ được xác định là yếu tố cốt lõi để giữ, phát triển thị trường và gia tăng giá trị hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. Tổng công ty đang quyết liệt triển khai các công trình dịch vụ từ khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải và thí điểm chế biến đá xây dựng, các dịch vụ kỹ thuật cao: nổ mìn tạo biên, quan trắc môi trường mỏ, kiểm kê trữ lượng, thiết kế, lập đề án đóng cửa mỏ, phá xỉ lò cao...; Đẩy mạnh đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ công nhân viên; Thành lập đội ngũ chuyên gia nổ mìn gồm 15 thành viên/tổng số hơn 400 kỹ sư mỏ; Thành lập diễn đàn kỹ thuật mỏ - là nơi cho các chuyên gia khoan nổ mìn, lãnh đạo Tổng công ty và lãnh đạo đơn vị trao đổi, thảo luận về các nội dung liên quan đến dịch vụ khai thác mỏ, khoan nổ mìn, khoa học kỹ thuật...; Bám sát quy hoạch phát triển các ngành, đặc biệt ưu tiên phát triển sang lĩnh vực khai thác vật liệu xây dựng, xi măng, khoáng sản... ký kết các hợp đồng hợp tác dài hạn.

d) Thuận lợi, khó khăn, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình SXKD của doanh nghiệp.

\* Thuận lợi:

- Tổng công ty đứng trước cơ hội lớn thực hiện chiến lược phát triển đáp ứng yêu cầu cho nền kinh tế quốc dân và tham gia xuất khẩu. Nhiệm vụ sản xuất, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn từ năm 2020- 2025 tiếp tục tăng cao cùng sự phát triển của ngành Than- Khoáng sản và các ngành kinh tế của Đất nước. Nguồn nhân lực, cơ sở sản xuất mới được bổ sung đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của toàn Tổng công ty.

**\* Khó khăn:**

- Theo dự báo kinh tế thế giới biến động khó lường, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong năm 2020 sẽ tác động không nhỏ tới kinh tế nước ta khi đang đẩy mạnh hội nhập. Cạnh tranh trên thị trường quốc tế ngày càng phức tạp và có yếu tố đầu tư nước ngoài tạo khó khăn không nhỏ đối với Tổng công ty. Đặc biệt Tổng công ty dự báo nhu cầu vật liệu nổ công nghiệp trong nước tăng nhẹ ở giai đoạn từ 2020 đến 2023, sau đó giảm rất nhanh từ 2024 trở đi. Vì vậy cần rà soát chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2030, xây dựng kế hoạch 5 năm đến 2025 phải xác định kịp thời mục tiêu đầu tư phát triển tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới, bù đắp giảm phát sản phẩm cốt lõi hiện nay, đảm bảo ổn định tăng trưởng dương bền vững.

**e) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.**

- Không để xảy ra tai nạn lao động chết người, sự cố thiết bị loại I, loại II, không để thất thoát VLNCN, đảm bảo môi trường nơi sản xuất, không có CBCNV vi phạm;

- Tăng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa, Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, xã hội hóa những phần việc xã hội để làm để giảm chi phí đầu tư;

- Mở rộng các định vụ, xung quanh hoạt động VLNCN; Tiếp tục phát triển các sản phẩm trên cơ sở các tài sản và chuỗi sản phẩm đã đầu tư từ trước; Hình thành, phát triển kênh phân phối VLXD, vật tư-hóa chất, kinh doanh khác;

- Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, đẩy mạnh các hoạt động thi đua văn hóa thể thao, nâng cao đời sống tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ; Giữ vững truyền thống Hóa chất mở;

- Bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện nghĩa vụ với nhà nước; Khẩu hiệu hành động của Tổng công ty năm 2020 là : “An toàn – Năng suất – Chất lượng - Phát triển”.

**2. Tình hình đầu tư tại các công ty con.**

**a) Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.**

(Số liệu trong Biểu số 2 kèm theo)



**b) Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này.**

*(Số liệu trong Biểu số 2 kèm theo)*

**c) Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này.**

**\* Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - MICCO.**

- Lĩnh vực hoạt động: kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn và dịch vụ kinh doanh khác.

- Tình hình tài chính:

+ Năm 2017: Doanh thu 764.004.061.016 đồng, lợi nhuận sau thuế 7.821.284.169 đồng, thuế TNDN phải nộp 1.998.131.777 đồng.

+ Năm 2018: Doanh thu 858.943.166.112 đồng, lợi nhuận sau thuế 3.972.887.429 đồng, thuế TNDN phải nộp 1.026.999.102 đồng.

+ Năm 2019: Doanh thu 939.559.993.493 đồng, lợi nhuận sau thuế 5.905.823.455 đồng, thuế TNDN phải nộp 1.502.273.364 đồng.

**\* Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Việt Bắc - MICCO.**

- Lĩnh vực hoạt động: sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Tình hình tài chính:

+ Năm 2017: Doanh thu 707.244.100.748 đồng, lợi nhuận sau thuế 11.441.265.493 đồng, thuế TNDN phải nộp 2.888.082.644 đồng.

+ Năm 2018: Doanh thu 1.507.956.409.879 đồng, lợi nhuận sau thuế 7.764.624.970 đồng, thuế TNDN phải nộp 1.955.627.731 đồng.

+ Năm 2019: Doanh thu 1.661.196.821.649 đồng, lợi nhuận sau thuế 11.023.731.359 đồng, thuế TNDN phải nộp 2.805.346.903 đồng.

**\* Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - MICCO.**

- Lĩnh vực hoạt động: sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Tình hình tài chính:

+ Năm 2017: Doanh thu 804.168.191.977 đồng, lợi nhuận sau thuế 3.894.058.168 đồng, thuế TNDN phải nộp 974.970.427 đồng.

+ Năm 2018: Doanh thu 1.027.904.471.648 đồng, lợi nhuận sau thuế 3.738.145.368 đồng, thuế TNDN phải nộp 874.500.269 đồng.

+ Năm 2019: Doanh thu 1.092.234.877.504 đồng, lợi nhuận sau thuế 6.743.321.377 đồng, thuế TNDN phải nộp 1.685.830.344 đồng.



## BIỂU SỐ 1

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP

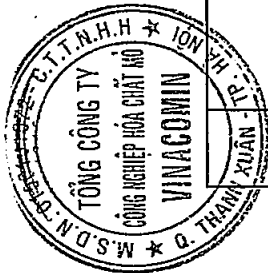


	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
1.1	Amon Nitrat	Tấn	95.327	143.550	159.852	160.000
1.2	Thuốc nổ	"	60.878	70.399	80.367	81.000
*	Anfo	"	46.003	56.830	63.953	63.050
*	Nhũ tương hầm lò	"	6.613	5.937	6.405	6.550
*	Nhũ tương rời	"	8.262	7.632	10.009	11.400
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.586	5.937	6.379	6.400
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	68	132	204,4	200
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	211	236	252	260
5	Kim ngạch xuất khẩu	1000 USD	17.754	24.591	25.600	30.000
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	24.712	23.118	5.670	27.614
a	- Nguồn ngân sách	"				
b	- Vốn vay	"		9.830		
c	- Vốn khác	"	24.712	13.288	5.670	27.614
7	Tổng lao động	Người	4.180	4.000	3.812	3.809
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	460	527	641	641
8.1	Quỹ lương quản lý	"	4	4,5	5,0	5
8.2	Quỹ lương lao động	"	456	522,5	636,0	636

*duy*

## BIỂU SỐ 2

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÓ PHẦN CHI PHỐI



STT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ												
1.1	Công ty TNHH MTV CN Hóa chất mốt Việt Bắc - MICCO	40	100	40	40	100	40	40	100	40	100	40	40
1.2	Công ty TNHH MTV CN Hóa chất mốt Bắc Trung Bộ - MICCO	30	100	30	30	100	30	30	100	30	100	30	30
1.3	Công ty TNHH MTV CN Hóa chất mốt Nam Bộ - MICCO	30	100	30	30	100	30	30	100	30	100	30	30

duy